

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiền

2. Ông Phạm Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc B, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Xuân H, địa chỉ: Thôn T1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc B trình bày:

Chị và anh Trịnh Xuân H kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng trong những năm gần đây vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, anh H ghen tuông vô cớ, đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay tình cảm giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn anh Trịnh Xuân H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Trịnh Thu T, sinh ngày 21/12/2009 và Trịnh An P, sinh ngày 16/7/2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh H có tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 6, Thôn T1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị là 700.000.000đồng. Chị yêu cầu giao toàn bộ nhà, đất nêu trên cho anh H sử dụng, anh H có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị là 350.000.000đồng. Đến ngày 08/6/2022 chị B có đơn rút phần yêu cầu về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Trịnh Xuân H nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc, hòa giải và không tham gia các phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc B được ly hôn anh Trịnh Xuân H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trịnh Thu T, sinh ngày 21/12/2009 và Trịnh An P, sinh ngày 16/7/2013 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Ngọc B khởi kiện anh Trịnh Xuân H, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với anh Trịnh Xuân H. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Huỳnh Thị Ngọc B khởi kiện thì bị đơn anh Trịnh Xuân H đang cư trú tại Thôn T1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là

đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Trịnh Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trịnh Xuân H kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị B và anh H có xảy ra mâu thuẫn, chị B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H ghen tuông vô cớ, đánh đập chị nên chị và anh H đã sống ly thân hơn 01 năm, không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần phân tích, động viên chị B đoàn tụ với anh H, nhưng chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Trịnh Xuân H, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị B, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có thể xác định anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định như trên, có cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trịnh Xuân H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Huỳnh Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trịnh Xuân H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trịnh Xuân H có 02 con chung là Trịnh Thu T, sinh ngày 21/12/2009 và Trịnh An P, sinh ngày 16/7/2013. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị B yêu cầu giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Trịnh Xuân H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nên biết rằng chị B yêu cầu giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi, nhưng anh H cũng không có ý kiến phản đối nên có thể xác định anh H không có nguyện vọng được nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, 02 con chung của chị B và anh H đều trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của các con chung của chị B và anh H, cũng như để đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt cho 02 con chung của chị B và anh H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, giao 02 con chung là Trịnh Thu T và Trịnh An P chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Huỳnh Thị Ngọc B được giao trực tiếp nuôi 02 con chung nhưng không yêu cầu anh Trịnh Xuân H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2022, chị Huỳnh Thị Ngọc B yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 6, Thôn T1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, đến ngày 08/6/2022, chị B có đơn rút phần yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc chị B rút phần yêu cầu chia tài sản chung nêu trên là tự nguyện. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút phần yêu cầu chia tài sản chung và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị B.

[2.5] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B đã nộp là 9.050.000đồng. Hoàn trả cho chị B số tiền 8.750.000đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 192, 193, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc B được ly hôn anh Trịnh Xuân H.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc B và anh Trịnh Xuân H có 02 con chung là Trịnh Thu T, sinh ngày 21/12/2009 và Trịnh An P, sinh ngày 16/7/2013. Giao 02 con chung Trịnh Thu T và Trịnh An P cho chị Huỳnh Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh Trịnh Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Huỳnh Thị Ngọc B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Huỳnh Thị Ngọc B. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với phần yêu cầu chia tài sản chung.

5. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.050.000đồng (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002368 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc B số tiền 8.750.000đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong